

VIỆT NAM TIẾN MẠNH TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI

*Cốc Nguyên Dương**

Tôi đã từng được tham dự Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất họp tại Hà Nội. Trong thời gian trôi qua đã mấy năm, nhưng những ấn tượng lắng đọng trong tôi cho đến nay thật khó quên. Nhận lời mời của Ban Tổ chức, hôm nay tôi lại được tham dự Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ hai họp tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong tiếng Việt có chữ LÃO THÀNH. Chỉ còn một năm nữa tôi tròn 70 tuổi, có thể nói LÃO THÌ ĐÃ LÃO RỒI, NHƯNG MÀ KHÔNG THÀNH, thí dụ như trình độ tiếng Việt của tôi không những không được nâng cao hơn mà ngược lại đang thụt lùi rất nhiều. Tuy vậy hôm nay tôi vẫn muốn dùng tiếng Việt để trình bày bản tham luận của tôi nhằm thể hiện nét đặc sắc của một Hội thảo Quốc tế Việt Nam học. Trên diễn đàn này tôi bỗng nhớ tới một câu chuyện xa xưa: đó là vào năm 1956 tôi thi vào khoa Ngôn ngữ Phương Đông của trường Đại học Bắc Kinh. Lúc ấy chúng tôi có thể tùy ý chọn ngôn ngữ của bất kỳ nước nào, tiếng Việt, tiếng Ả-rập, tiếng Triều Tiên, tiếng Hindu, tiếng Mông Cổ v.v... Nhưng tôi đã chọn tiếng Việt. Có người đã hỏi tôi, vì sao anh học tiếng Việt? Tôi trả lời rất giản đơn và danh thếp: Bởi vì Việt Nam có Hồ Chí Minh - một nhân vật vĩ đại. Tôi còn nhớ những năm đầu thập kỷ 60 của thế kỷ XX, Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ sang thăm Việt Nam. Trong bữa tiệc chiêu đãi tại Đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội, lần đầu tiên tôi trông thấy Bác Hồ mà từ lâu tôi hằng ngưỡng mộ. Năm 1990 tại cuộc Hội thảo Quốc tế tổ chức tại Hà Nội kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, lúc quan hệ Trung Quốc ở vào thời điểm then chốt nhất, với tư cách là đại biểu duy nhất của Trung Quốc tham dự Hội thảo, tôi đã đọc Bản tham luận tưởng nhớ tới Bác Hồ. Tôi đã kết luận bản tham luận của tôi bằng câu nói mà nhân dân Việt Nam và nhân dân Trung Quốc thường nhắc "Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam!", "Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ sống mãi trong lòng nhân dân Trung Quốc!". Bác Hồ tuy đã đi xa, nhưng mỗi lần sang Việt Nam, tôi luôn đến Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh viếng Người.

* Giáo sư, Viện Khoa học xã hội Trung Quốc.

Thời gian đang đổi thay và Việt Nam cũng đang đổi thay. Ngày nay cộng đồng quốc tế quan tâm đến Việt Nam không những chỉ vì Việt Nam có Hồ Chí Minh mà còn bởi vì nhân dân Việt Nam dưới sự chỉ đạo của tư tưởng Hồ Chí Minh đã thực hiện thành công công cuộc Đổi mới và đã giành được những thành tựu mà cộng đồng quốc tế thừa nhận. Tháng 12 năm 1986, Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã tìm tòi những lý luận mới, thực hiện đổi mới một cách toàn diện. Đổi mới là sản phẩm của sự sáng tạo của nhân dân Việt Nam kết hợp với sự đổi mới tư duy của những người lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam, thể hiện tinh thần của chủ nghĩa Mác "tiến cùng thời đại". Mọi người đều không quên trong những năm đầu của công cuộc Đổi mới, Việt Nam đứng trước tình hình quốc tế bất lợi, có sự cấm vận từ bên ngoài, những ảnh hưởng tiêu cực do Liên Xô và các nước Đông Âu suy sụp làm cho Việt Nam mất đi nguồn viện trợ truyền thống, nguồn vay nợ và thị trường xuất khẩu. Nhưng nhờ sự thúc đẩy của sự nghiệp đổi mới, nhân dân Việt Nam đã khắc phục bốn nguy cơ lớn và khắc phục những tác động của cuộc khủng hoảng tiền tệ, ổn định tình hình kinh tế vĩ mô, trở thành nước xuất khẩu gạo quan trọng thứ hai trên thế giới, năm 2003 tổng sản lượng thóc lên tới 34,5 triệu tấn, tốc độ tăng trưởng kinh tế chỉ đứng sau Trung Quốc. Năm 2003, tăng trưởng GDP của Trung Quốc là 9,1%, Việt Nam là 7,3%. Tình hình Việt Nam ngày nay đã khác xa 18 năm trước. Những thành tựu mà Việt Nam giành được cũng như những biến đổi tích cực quả là không dễ dàng. Nguyên nhân của những thành tựu trên: Thứ nhất là sự đổi mới từ bên trong, chuyển từ thể chế của nền kinh tế kế hoạch truyền thống sang thể chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhờ đó đã giải phóng được sức sản xuất. Thứ hai, mở cửa với bên ngoài, chủ động hội nhập vào kinh tế thế giới, chuyển từ một nền kinh tế khép kín, đóng cửa sang nền kinh tế mở cửa. Theo cách hiểu của tôi thì từ ngữ người Việt Nam thường nói "hội nhập với kinh tế quốc tế", nội dung cơ bản của nó là mở cửa với bên ngoài. Mối quan hệ giữa đổi mới và mở cửa là mối quan hệ gắn bó với nhau và thúc đẩy lẫn nhau. Sự đổi mới từ bên trong đã sáng tạo ra điều kiện và khả năng để mở cửa với bên ngoài, ngược lại sự mở cửa với bên ngoài sẽ thúc đẩy sự đổi mới từ bên trong.

Điều tôi cần nhấn mạnh ở đây là không phải đến bây giờ Trung Quốc và Việt Nam mới nghĩ đến mở cửa với bên ngoài, mới nghĩ đến hội nhập với cộng đồng quốc tế. Trước đây chúng ta cũng từng công khai tuyên bố phải mở cửa với bên ngoài, nhưng điều kiện bên ngoài không cho phép chúng ta mở cửa, có kẻ còn áp dụng chính sách phong tỏa cấm vận đối với chúng ta. Nói về nguyên nhân từ phía nội bộ, trước đây chúng ta đã áp dụng chính sách đối ngoại ngả về một phía (nhất biên đảo), chủ yếu là trao đổi nền kinh tế và buôn bán với các nước xã hội chủ nghĩa. Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, hai thị trường song song trên thế giới đã trở thành một thị trường lớn nhất của thế giới, kinh tế toàn cầu hóa đã thúc

đẩy kinh tế các nước, trong anh có tôi, trong tôi có anh. Trong bối cảnh tình hình quốc tế có nhiều biến đổi sâu sắc, Đảng và Chính phủ hai nước Trung - Việt đã kịp thời đề ra chính sách ngoại giao làm bạn rộng rãi với các nước, đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ, chính sách đó là sự lựa chọn chiến lược cho đất nước phù hợp với trào lưu của thế giới. Thực tiễn phát triển lịch sử của toàn thế giới chứng minh rằng, sự phát triển và giao lưu của nền văn minh nhân loại là một quá trình thống nhất biện chứng, nghĩa là có mặt phủ định và loại trừ, lại có mặt kế thừa và phát triển. Mối quan hệ giữa hai chế độ tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa cũng như giữa hai loại hình Nhà nước khác nhau cũng là như vậy, nó vừa đối lập và bài xích lẫn nhau lại vừa liên hệ và hợp tác với nhau. Vì vậy trong quá trình xây dựng và phát triển của chủ nghĩa xã hội, luôn luôn tồn tại vấn đề làm thế nào để nhận thức được chủ nghĩa tư bản và các nước xã hội chủ phải xử lý mối quan hệ với các nước tư bản chủ nghĩa như thế nào. Trên hai mặt đó, các nước xã hội chủ nghĩa đều đã có những kinh nghiệm và bài học sâu sắc bao gồm cả mặt chính diện lẫn phản diện, có cả thành công nhưng cũng có cả sai lầm, thất bại. Trong tình hình quốc tế hiện nay, với tư cách là nước xã hội chủ nghĩa, Trung Quốc và Việt Nam nên cải thiện và phát triển mối quan hệ với các nước phát triển trên cơ sở 5 nguyên tắc chung sống hòa bình. Giữa các nước với nhau cần phải bỏ qua sự khác biệt về chế độ xã hội và ý thức hệ, phải tôn trọng lẫn nhau, hữu nghị với nhau, phải tìm những điểm gặp nhau trong lợi ích chung, mở rộng sự hợp tác hai bên đều có lợi, cùng nhau đối phó với những thách thức trên con đường sinh tồn và phát triển của nhân loại.

Trong quá trình phát triển kinh tế, các nước đang phát triển như Trung Quốc, Việt Nam đều đang đứng trước những vấn đề chung như thiếu vốn, kỹ thuật và quản lý còn lạc hậu, sự phát triển của thị trường chưa đầy đủ, thì việc mở cửa với bên ngoài và hội nhập quốc tế không ngoài mục đích là bổ sung cho mình những chỗ còn thiếu sót, tận dụng tối đa cả hai nguồn tài nguyên và thị trường trong nước và nước ngoài. Vì vậy mở cửa với bên ngoài, hội nhập kinh tế quốc tế không những chỉ nhằm thích nghi với những biến động của trào lưu thế giới mà còn là sự tìm tòi động lực mới nhằm đáp ứng nhu cầu của sự phát triển bản thân mình. Vì vậy thi hành chính sách mở cửa với bên ngoài, hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới ngày nay đã trở thành quốc sách của Trung Quốc và Việt Nam.

Chúng ta cần chú ý rằng, Việt Nam đã làm rất nhiều việc nhằm chủ động hội nhập kinh tế khu vực và kinh tế thế giới như: Năm 1987 ban bố Luật đầu tư nước ngoài, sau đó nhiều lần bổ sung và hoàn thiện Luật đó làm cho Luật đầu tư phù hợp hơn với yêu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài về các mặt an toàn, có lợi nhuận và khả thi; tích cực mở rộng quan hệ hợp tác tiền tệ với Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới và Ngân hàng phát triển châu Á nên đã nhận được những khoản viện trợ ODA và những khoản tiền vay; Năm 1995 Việt Nam đã gia nhập ASEAN và AFTA;

ký hiệp định khung với EU; trở thành thành viên chính thức của APEC; khôi phục bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ, ký kết Hiệp định mậu dịch song phương; với tư cách là một thành viên của ASEAN, Việt Nam đã tích cực tham gia xây dựng Khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN và đối thoại hợp tác giữa ASEAN với 3 nước Trung Quốc - Nhật Bản - Hàn Quốc v.v... Những biện pháp quan trọng đó đã làm thay đổi căn bản vị trí của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế, làm cho Việt Nam trở thành đối tác hợp tác có tính xây dựng về kinh tế được cộng đồng quốc tế và khu vực coi trọng. Việt Nam đang tích cực tranh thủ để năm 2005 trở thành thành viên chính thức của WTO, điều đó sẽ làm cho Việt Nam mở cửa với bên ngoài ở phạm vi lớn hơn, đồng thời nhờ sự giúp đỡ của ngoại lực thúc đẩy hơn nữa sự đổi mới từ bên trong, đẩy nhanh hơn nữa tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Do Việt Nam kiên trì thực hiện đổi mới toàn diện và mở cửa nên từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đã giành được những thành tựu rõ rệt về mậu dịch đối ngoại cũng như thu hút vốn đầu tư của nước ngoài. Từ năm 1991 đến nay, kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam hàng năm đều tăng, KIM NGẠCH XUẤT KHẨU ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2002 ĐÃ BẰNG 519% TỔNG KIM NGẠCH XUẤT KHẨU ĐẠT ĐƯỢC CỦA NĂM 1993. Theo thống kê của Việt Nam, năm 2001, xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc đứng hàng thứ hai, nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam đứng hàng thứ năm. Năm 2003, kim ngạch mậu dịch song phương giữa Việt Nam và Trung Quốc đạt khoảng 4 tỉ đôla. TỔNG SỐ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀO VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2001 LÀ 38,8 TỈ ĐÔLA, TỶ TRỌNG CỦA VỐN FDI ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG TỔNG ĐẦU TƯ XÃ HỘI VÀO KHOẢNG 20 - 32%, NGHĨA LÀ NĂM CAO NHẤT ĐÃ ĐẠT TỚI TRÊN 32%, NHỮNG NĂM ĐẠT THẤP NHẤT VÀO KHOẢNG TRÊN 20%. Từ những năm 90 của thế kỷ XX tới nay, sự đầu tư trực tiếp của các xí nghiệp Trung Quốc vào Việt Nam đã tăng lên rõ rệt. Từ năm 1988 đến giữa năm 2001, Trung Quốc đã đầu tư vào Việt Nam 105 hạng mục với tổng vốn đầu tư 212 triệu đôla, đứng hàng thứ 22 trong đầu tư của các nước trên thế giới và khu vực vào Việt Nam. Do một số đầu tư của Trung Quốc thông qua Hồng Kông nên nếu kể cả đầu tư của Hồng Kông thì Trung Quốc đứng thứ 5. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài đã tạo điều kiện cho 48.000 người lao động có việc làm. Còn Trung Quốc, đến cuối năm 2003 đã có 46.500 xí nghiệp của nước ngoài đưa vào, vốn đăng ký đạt 800 tỉ đôla, vốn huy động trên thực tế đạt 505,1 tỉ đôla. Nhưng dân số Trung Quốc là 1.300 triệu, nếu đem con số lớn nhất chia cho dân số thì sẽ trở thành một con số rất nhỏ. Có một học giả Việt Nam đã nói: TỶ TRỌNG FDI TRONG TỔNG SẢN LƯỢNG CÔNG NGHIỆP CỦA TRUNG QUỐC LÀ 28,05% NĂM 2001 THÌ Ở VIỆT NAM CON SỐ ĐÓ LÀ 35% NĂM 2001, TỶ TRỌNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH TỪ KHU VỰC CÓ VỐN FDI Ở TRUNG QUỐC LÀ 19,01% SO VỚI CỦA VIỆT NAM LÀ 25% NĂM 2001.

Có học giả Việt Nam đã so sánh việc sử dụng vốn đầu tư nước ngoài của Việt Nam và Trung Quốc và chỉ rõ năm 2001 số dự án đầu tư 100% vốn nước ngoài vào Việt Nam chiếm 61% tổng số dự án nước ngoài đầu tư và chiếm 33,8% kim ngạch đầu tư. Cùng thời gian ấy xí nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tư vào Trung Quốc chiếm 62,14% kim ngạch đăng ký đầu tư. Mấy năm gần đây, đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam có phần giảm sút. Năm 2003 tuy có tăng nhưng cũng chỉ bằng 1/5 của năm 1996. Điều đó có nguyên nhân khách quan của nó, cụ thể là do cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Đông Nam Á và do ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới suy thoái, nhưng cũng có những nguyên nhân chủ quan về phía Việt Nam, trong đó có vấn đề thuế xuất nhập khẩu giảm rồi lại tăng, giá thành sản phẩm còn cao hơn một số nước ở Đông Nam Á làm cho sức cạnh tranh suy yếu; đồng bạc Việt Nam tuy đã nhiều lần điều chỉnh, nhưng định giá quá cao so với đồng đôla. Những vấn đề tồn tại trên đây có nghĩa là Việt Nam cần phải cải thiện môi trường đầu tư, nếu không thì sẽ không những hạn chế, thu hẹp xuất khẩu của Việt Nam mà còn ảnh hưởng đến việc thu hút vốn đầu tư của nước ngoài. Nếu Việt Nam có thể cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư, bao gồm cả vấn đề tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng; đẩy nhanh tốc độ đổi mới xí nghiệp; mở rộng thị trường trong nước; phát triển khoa học-kỹ thuật; duy trì được nguồn nhân công rẻ; tăng sức cạnh tranh quốc tế; mở rộng lĩnh vực đầu tư; đơn giản thủ tục đầu tư, giảm bớt sự can thiệp hành chính; nâng cao hiệu lực của chính quyền; hạ thấp giá dịch vụ; tranh thủ các xí nghiệp lớn của Âu Mỹ đầu tư xây dựng các nhà máy lớn... thì Việt Nam có thể thu hút được càng nhiều vốn đầu tư của cộng đồng quốc tế và điều quan trọng hơn nữa là Việt Nam phải nâng cao hiệu quả và trình độ sử dụng vốn đầu tư, để phòng những rủi ro trong khi sử dụng vốn đầu tư của nước ngoài.

Hai nước Trung - Việt láng giềng núi liền núi, sông liền sông, trong quá trình cải cách và mở cửa tuy chúng ta có một số cách nói khác nhau, chẳng hạn như Việt Nam gọi là xây dựng kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, còn Trung Quốc gọi là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa mang đặc sắc Trung Quốc, Việt Nam nói hội nhập kinh tế quốc tế, còn Trung Quốc nói hội nhập cộng đồng quốc tế. Nhưng mục đích và mục tiêu của chúng ta là thống nhất, việc trao đổi những kinh nghiệm về cải cách mở cửa, học tập những mặt mạnh của bạn rõ ràng là bổ ích cho chúng ta. Vì vậy cho phép tôi giới thiệu một số tình hình cải cách mở cửa của Trung Quốc. Trong 28 năm qua, Trung Quốc đã cho ra đời nhiều biện pháp lớn nhằm cải cách mở cửa, nói một cách khái quát là, thứ nhất trong thập kỷ 80 của thế kỷ XX đẩy mạnh việc xây dựng các đặc khu kinh tế nhằm tận dụng 2 nguồn vốn và thị trường trong nước và nước ngoài, có tác dụng làm mẫu thúc đẩy cải cách mở cửa cho cả nước và tích lũy kinh nghiệm phong phú hơn; thứ hai là ở thập kỷ 90 đẩy mạnh việc mở mang khu Phố Đông ở Thượng Hải nhằm tạo điều kiện cho Thượng Hải chuyển

dịch ngành chế tạo và kỹ thuật thuần thực của mình cho các vùng xung quanh; thứ ba là đẩy mạnh khai thác 12 tỉnh (khu) miền Tây, cũng như vùng duyên hải miền Đông, động lực khai phá miền Tây cũng bắt nguồn từ cải cách mở cửa; "thứ tư là thực hiện một quyết sách chiến lược, đó là kết hợp giữa "thu hút vào" và "đầu tư ra". Từ kinh nghiệm quốc tế chúng ta có thể thấy, tận dụng nguồn vốn nước ngoài luôn luôn theo hai hướng, vừa phải thu hút nguồn vốn nước ngoài, lại vừa phải đầu tư ra nước ngoài, phải thực hiện xí nghiệp kinh doanh siêu quốc gia. Nhưng trong suốt một thời gian dài, Trung Quốc đã nặng về hướng thu hút vốn đầu tư của nước ngoài. Vì vậy Đại hội toàn quốc lần thứ 16 của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra chiến lược mở cửa phải kiên trì kết hợp giữa "thu hút vào" và "đầu tư ra" động viên và ủng hộ các xí nghiệp tương đối có ưu thế dưới các hình thức sở hữu khác nhau đầu tư ra nước ngoài, lôi cuốn theo việc xuất khẩu thương phẩm và lao động nhằm hình thành một loạt xí nghiệp siêu quốc gia có thực lực. "Thu hút vào" và "đầu tư ra" là hai bánh xe của mở cửa ra nước ngoài, không thể thiếu một trong hai bánh xe đó, nếu không thì không thể có được một cục diện hoàn chỉnh trong mở cửa với nước ngoài. Tuy vậy trong thực tế, một bánh xe chuyển động nhanh, một bánh xe chuyển động chậm. Theo con số thống kê mới nhất của Bộ Thương mại Trung Quốc, vốn của các xí nghiệp Trung Quốc ở nước ngoài đã hơn 170 tỉ đôla, đầu tư trực tiếp 15 tỉ đôla. Tổng lượng của kinh tế Trung Quốc, kim ngạch dự trữ ngoại tệ, cùng với trình độ kỹ thuật và quản lý của xí nghiệp v.v... làm cho các xí nghiệp có điều kiện ở các loại hình thức sở hữu khác nhau đã có thể bước ra khỏi đất nước mình để kinh doanh ở tầm siêu quốc gia, thúc đẩy cho hai bánh xe của cải cách và mở cửa chuyển động đều. Vì vậy trước mắt đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam chưa cao, song cùng với việc "đầu tư ra" của các xí nghiệp, Trung Quốc sẽ trở thành nước đầu tư quan trọng đối với Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Chấn hưng căn cứ địa công nghiệp lâu đời ở vùng Đông Bắc là biện pháp quan trọng thứ 5 của Trung Quốc nhằm đẩy mạnh cải cách mở cửa. Cái gọi là căn cứ địa công nghiệp lâu đời chính là những cụm hoặc thành phố công nghiệp được hình thành trong quá trình phát triển công nghiệp lâu dài và đã có ảnh hưởng lớn đối với nền kinh tế khu vực hoặc kinh tế cả nước. Những căn cứ địa đó do hai bộ phận hợp thành, một được hình thành từ năm 1949, hai, được hình thành từ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất sau ngày nước Trung Hoa mới thành lập, chủ yếu tập trung tại vùng Đông Bắc. Có thể nói đó là sản phẩm của nền kinh tế kế hoạch. Sự tàn tạ của nó cũng là một bài học đáng cay mà nền kinh tế kế hoạch mang lại cho chúng ta. Từ ngày cải cách mở cửa đến nay, một số ít vùng căn cứ công nghiệp lâu đời đã được cải tạo, nhưng đa số vẫn chưa được cải tạo hoặc cải tạo chưa tốt, vẫn còn bộc lộ hiện tượng phát triển trì trệ, sa sút. Tồn tại chủ yếu của nó, thứ nhất là các xí nghiệp quốc doanh gặp khó khăn

trong việc chuyển chế độ sở hữu nên hiệu quả kinh tế giảm sút một cách nghiêm trọng; hai là các thành phố công nghiệp lâu đời mang tính chất khai thác tài nguyên thì tài nguyên cạn kiệt, không có những sản phẩm thay thế nên kinh tế phát triển khó khăn; ba là sức ép lớn của những sản phẩm nông nghiệp ưu thế truyền thống, người nông dân tăng thu chậm. Ba vấn đề trên đã tạo nên cái gọi là "hiện tượng Đông Bắc". Qua những thành tựu và những kinh nghiệm giành được trong 28 năm cải cách mở cửa đã tạo ra điều kiện và khả năng để chấn hưng khu căn cứ công nghiệp lâu đời vùng Đông Bắc. Chấn hưng vùng công nghiệp Đông Bắc không những chỉ mang ý nghĩa chấn hưng công nghiệp mà là chấn hưng toàn bộ nền kinh tế của vùng, đề cập đến rất nhiều lĩnh vực như công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo hiểm xã hội, sự chấn hưng đó không phải là sự chấn hưng đóng cửa khép kín mà là sự chấn hưng mở cửa, vì vậy sự chấn hưng vùng công nghiệp Đông Bắc vừa đòi hỏi phải cải cách chế độ vừa phải tăng cường hợp tác kinh tế quốc tế hơn nữa, vì vậy chấn hưng vùng công nghiệp lâu đời sẽ tạo cơ hội đầu tư lớn cho các nước trên thế giới. Vì vậy chúng tôi hy vọng rằng, các nước Mỹ, châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mông Cổ, Nga, Việt Nam và bạn bè các nước khác ở ASEAN, đặc biệt là các chủ doanh nghiệp quan tâm đến vùng công nghiệp lâu đời ở Đông Bắc đang và sẽ còn biến đổi, đang tìm con đường hợp tác mới, hình thức hợp tác mới.